TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2018/DS-ST Ngày: 28/8/2018 Về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Trung.

Ông Nguyễn Hữu Phúc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/8/2018 và 28/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2018. Về việc*"Tranh chấp hợp đồng mua bán"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐST – DS, ngày 04 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 16/TB-TA ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1944.

2. Bà Võ Thị M, sinh năm: 1950. (vợ ông H)

3. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1980. (con ông H)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Hữu Q, ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị M có mặt, anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2018, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Q trình bày: Vào năm 2017, ông H, bà M và anh H1 có mua vật tư nông nghiệp của anh và cam kết sẽ trả sau khi thu hoạch xong vụ mùa nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Nay anh Q yêu cầu ông H, bà M, anh H1 trả cho anh số tiền mua vật tư nông nghiệp là 302.733.000đ và lãi theo mức lãi suất 1,2%/tháng từ ngày 10/02/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Q chỉ yêu cầu ông H, bà M và anh H1 phải trả số tiền 279.000.000đ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị M trình bày:

Ông H, bà M thừa nhận có nợ của anh Q số tiền 302.000.000đ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông H, bà M yêu cầu được trả dần mỗi 06 tháng trả 25.000.000đ và không tính lãi nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H, bà M đồng ý trả số tiền 279.000.000đ theo yêu cầu của ông Q.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 thừa nhận có cùng bà M, ông H mua vật tư nông nghiệp của anh Q và anh thống nhất theo ý kiến trình bày của ông H, bà M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc ông H, bà M và anh H1 phải có trách nhiệm trả cho ông Q số tiền 279.000.000đ.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Q khởi kiện ông H, bà M, anh H1 trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là vụ án dân sự và hiện nay ông H, bà M, anh H1 đang trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, anh Q yêu cầu ông H, bà M, anh H1 phải trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 279.000.000đ. Ông H, bà M đồng ý trả số tiền 279.000.000đ theo yêu cầu của ông Q. Xét thấy:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà M thừa nhận nợ anh Q số tiền 302.733.000đ, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin giải quyết được trả dần, mỗi năm trả 50.000.000đ. Trường hợp anh Q không chấp nhận thì điều chỉnh lại mức lãi suất theo Nhà nước quy định. Thời gian điều chỉnh lãi suất là từ lúc bắt đầu mua bán năm 2013 cho đến nay. Tuy nhiên, chứng từ mua bán ông H, bà M không xuất trình được toàn bộ mà chỉ có lưu giữ từ năm 2016 đến nay. Mặt khác, ông H, bà M cũng không xác định được mỗi vụ trả được bao nhiêu tiền; tiền gốc, tiền lãi còn lại mỗi vụ là bao nhiêu. Anh Q thì không còn lưu giữ các chứng từ mua bán trước đây. Vì vậy, không có đủ cơ sở xem xét điều chỉnh lại lãi suất từ năm 2013 theo như yêu cầu ông H, bà M.

- Đối với các chứng từ ông H, bà M cung cấp từ tháng 8/2016 nợ 170.000.000đ đến ngày 10/01/2017 cũ gốc là 206.913.000đ. Do vậy, không có đủ căn cứ xác định số tiền 206.913.000đ có bao nhiêu tiền lãi trong đó.

+ Ngày 10/01/2017 còn nợ 206.913.000đ (Không thể hiện vốn lãi).

+ Ngày 02/02/2017 còn nợ 228.280.000đ (Trong đó gồm: 206.913.000đ tiền gốc, 13.397.000đ mua mới, lãi mua mới 610.000đ, lãi cũ 20.360.000đ; trả 13.000.000đ).

+ Ngày 25/4/2017 còn nợ 241.870.000đ (Trong đó gồm: 228.280.000đ tiền gốc, 26.592.000đ mua mới; trả 13.000.000đ).

+ Ngày 10/9/2017 còn nợ 286.507.000đ (Trong đó gồm: 241.870.000đ tiền gốc, 14.641.000đ mua mới, 730.000đ lãi mới, 29.266.000đ lãi cũ) trả được 40.000.000đ còn lại 246.507.000đ.

Sau đó, ông H, bà M còn tiếp tục mua thêm vật tư nông nghiệp với số tiền là 35.475.000đ (từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018).

- Ông H, bà M xác định trước đây mua hàng của anh Q đến mùa trả và lúc mua cũng chấp nhận có tính lãi. Tại phiên tòa hôm nay, ông H, bà M đồng ý trả số tiền 279.000.000đ theo yêu cầu của anh Q. Trường hợp căn cứ theo mức lãi suất là 1,66%/tháng thì số tiền ông H, bà M còn nợ đến nay cũng sẽ vượt hơn so với số tiền 279.000.000đ mà anh Q yêu cầu. Mặt khác, theo biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 thừa nhận có cùng bà M, ông H mua vật tư nông nghiệp của anh Q và anh thống nhất theo ý kiến trình bày của ông H, bà M. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của anh Q, buộc ông H, bà M và anh H1 có trách nhiệm trả cho anh Q số tiền 279.000.000đ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc buộc ông H, bà M, anh H1 có trách nhiệm trả cho

anh Q số tiền 279.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do ông H, bà M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí. Còn lại anh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu Q đối với ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị M và anh Nguyễn Văn H1.

2/ Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị M và anh Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Hữu Q số tiền 279.000.000đ (Hai trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

Anh Nguyễn Văn H1 phải nộp 4.650.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm (Ông H, bà M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật).

- Anh Nguyễn Hữu Q được nhận lại 7.650.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BG/2015 0000676, quyển số 0000014 ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày

kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang